

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP SEIMITSU VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP SEIMITSU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEIMITSU VIET NAM INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SEIVI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108074261

3. Ngày thành lập: 27/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10BQ6, Ngõ 126, Phố Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906292139

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
2.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
3.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
7.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
8.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
9.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
10.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
11.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
12.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
13.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
14.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
15.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
16.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
17.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
18.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
20.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
21.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
22.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
23.	Tái chế phế liệu	3830
24.	Lập trình máy vi tính	6201
25.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
26.	Sản xuất xe có động cơ	2910
27.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
28.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Xây dựng công trình công ích	4220
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Bán mô tô, xe máy	4541
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
40.	Bán buôn gạo	4631
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
50.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
51.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
52.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

54.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
55.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
56.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
59.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
60.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
62.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
63.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
64.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
67.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
68.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
69.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
70.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
71.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
72.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
73.	Sản xuất máy luyện kim	2823
74.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
75.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
76.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
77.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
79.	Đúc sắt, thép	2431
80.	Đúc kim loại màu	2432
81.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
82.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
83.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
84.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
85.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
86.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
87.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
88.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
89.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

90.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
91.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
92.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
93.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
94.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
95.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
96.	Thu gom rác thải độc hại	3812
97.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
98.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
99.	Xây dựng nhà các loại	4100
100.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
101.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
102.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
103.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
104.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
105.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
106.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
107.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
108.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
109.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
110.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
111.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
112.	Bán buôn tổng hợp	4690
113.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
114.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
115.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
116.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
120.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
121.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
122.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
123.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

124.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
125.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
126.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
127.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
128.	Bốc xếp hàng hóa	5224
129.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
130.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
131.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
132.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
133.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
134.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
135.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
136.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
137.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
138.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
139.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
140.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
141.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
142.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
143.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
144.	Cho thuê xe có động cơ	7710
145.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
146.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Chín tỷ đồng Việt Nam

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN XUÂN PHÚ	Xóm 1, thôn Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	013581751	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN VŨ CƯỜNG	Số 10BQ6, Ngõ 126, Phố Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	035086000204	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		
3	VŨ MINH DIỄN	Tổ dân phố 8, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	034083000041	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000		
4	TRẦN THANH TÙNG	Số 10B Q6, Phố Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	013329030	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VŨ CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035086000204

Ngày cấp: 11/04/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10BQ6, Ngõ 126, Phố Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10BQ6, Ngõ 126, Phố Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội